CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 93/2026/NĐ-CP	_____
	Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV về cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 12; khoản 6 Điều 14; khoản 4 Điều 15; khoản 3 Điều 16; khoản 4 Điều 17; khoản 4 Điều 19; khoản 4 Điều 20; khoản 4 Điều 22; khoản 4 Điều 25; khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 28; khoản 3 Điều 29; khoản 2 Điều 41 và hướng dẫn thi hành Luật Nhà giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với nhà giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
CHỨC DANH NHÀ GIÁO, BỔ NHIỆM, THAY ĐỔI CHỨC DANH NHÀ GIÁO

Điều 3. Chức danh nhà giáo

Chức danh nhà giáo trong cơ sở giáo dục bao gồm:

1. Các chức danh giáo viên

a) Giáo viên mầm non;

b) Giáo viên tiểu học;

c) Giáo viên trung học cơ sở;

d) Giáo viên trung học phổ thông;

đ) Giáo viên dự bị đại học;

e) Giáo viên giáo dục thường xuyên;

g) Giáo viên sơ cấp;

h) Giáo viên trung học nghề;

i) Giáo viên trung cấp.

2. Các chức danh giảng viên

a) Giảng viên cao đẳng: giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp;

b) Giảng viên đại học: giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư;

c) Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng: giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp;

d) Giảng viên trường chính trị: giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp.

Điều 4. Bổ nhiệm, xếp lương, thay đổi chức danh nhà giáo

1. Việc bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện khi tuyển dụng, tiếp nhận và thay đổi vị trí việc làm. Nhà giáo được bổ nhiệm chức danh nào phải đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của chức danh đó.

2. Bổ nhiệm, xếp lương đối với chức danh giáo sư, phó giáo sư

a) Nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

b) Nhà giáo được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư được bổ nhiệm và xếp lương tương ứng chức danh giảng viên cao cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

3. Việc thay đổi chức danh nhà giáo tương ứng với thay đổi vị trí việc làm nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định của pháp luật viên chức về thay đổi vị trí việc làm.

4. Cơ sở giáo dục ngoài công lập quy định cụ thể về trình tự, thủ tục bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo đối với nhà giáo thuộc quyền quản lý đảm bảo công khai, minh bạch.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc bổ nhiệm và xếp lương đối với các chức danh nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập tại Điều 3 Nghị định này.

6. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc bổ nhiệm và xếp lương đối với các chức danh nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương III
TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN NHÀ GIÁO

Điều 5. Căn cứ, thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo

1. Căn cứ tuyển dụng nhà giáo

a) Đối với các cơ sở giáo dục công lập: việc tuyển dụng nhà giáo phải căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp theo chức danh nhà giáo tương ứng với vị trí việc làm dự kiến tuyển dụng và các quy định của pháp luật có liên quan về viên chức;

b) Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập: việc tuyển dụng nhà giáo phải căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp theo chức danh nhà giáo tương ứng với vị trí việc làm dự kiến tuyển dụng và quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục, đảm bảo công khai, minh bạch.

2. Thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập

a) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập, người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện tuyển dụng nhà giáo hoặc phân cấp cho các trường, các đơn vị thuộc, trực thuộc và các đơn vị thành viên thực hiện tuyển dụng nhà giáo;

b) Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập, người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện tuyển dụng nhà giáo theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục.

Điều 6. Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng

1. Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Luật Nhà giáo

(3. Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng bao gồm:

a) Người đã làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng;

a) Là người có thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục đúng vị trí việc làm cần tuyển dụng hoặc giảng dạy, giáo dục ở cấp học, trình độ đào tạo khác nhưng môn học, ngành học giảng dạy phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật (nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn);

b) Được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2 kỳ thi hoặc xét tuyển dụng nhà giáo.

2. Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Luật Nhà giáo

(b) Đối với giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên người có kỹ năng nghề cao, có kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

a) Là người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên hoặc người có kinh nghiệm làm việc trong thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với ngành, nghề giảng dạy từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật (nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn);

b) Được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2 kỳ thi hoặc xét tuyển dụng nhà giáo.

3. Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Luật Nhà giáo và đối tượng hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật về lực lượng vũ trang.

c) Trường hợp ưu tiên tuyển dụng khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển dụng nhà giáo thuộc nhiều đối tượng ưu tiên khác nhau thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2 kỳ thi hoặc xét tuyển dụng nhà giáo.

Điều 7. Thi tuyển nhà giáo

Thi tuyển nhà giáo được thực hiện theo 02 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung bằng hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính. Nội dung thi gồm 02 phần, cụ thể như sau:

a) Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật nhà giáo, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành Giáo dục, về vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

b) Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm bằng một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc lựa chọn 01 ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển; hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với vị trí việc làm yêu cầu tiếng dân tộc thiểu số. Thời gian thi 30 phút.

Đối với vị trí việc làm không yêu cầu ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm thì không phải tổ chức thi Phần II.

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a và điểm b khoản này; nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

d) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Đối với người dự tuyển vào các vị trí giảng viên đại học, yêu cầu tối thiểu là bằng cử nhân trở lên chuyên ngành ngoại ngữ phù hợp;

Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật. Đối với người dự tuyển vào các vị trí giảng viên đại học, bằng tốt nghiệp phải từ trình độ cử nhân trở lên và đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm;

Có bằng tốt nghiệp chuyên môn, trong đó chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự

tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

2. Vòng 2: đánh giá năng lực người đăng ký dự tuyển thông qua thực hành sư phạm.

a) Hình thức thi: căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định lựa chọn một trong ba hình thức thi: vấn đáp, thực hành giảng dạy hoặc thi viết. Trường hợp tổ chức thi viết thì được thực hiện một trong ba hình thức: Trắc nghiệm, tự luận hoặc trắc nghiệm kết hợp với tự luận;

b) Nội dung thi: kiểm tra kiến thức, kỹ năng thực hành sư phạm theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Nội dung thi vòng 2 phải căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp nhà giáo theo chức danh và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuẩn nghề nghiệp khác nhau thì Hội đồng tuyển dụng nhà giáo phải tổ chức xây dựng các đề thi vòng 2 khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

c) Thời gian thi: vấn đáp 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị, không tính vào thời gian thi); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề); thời gian thi thực hành giảng dạy do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển;

d) Thang điểm (vấn đáp, thực hành giảng dạy, thi viết): 100 điểm.

Điều 8. Xét tuyển nhà giáo

Xét tuyển nhà giáo được thực hiện theo 02 vòng như sau:

1. Vòng 1: kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

a) Hội đồng tuyển dụng kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo thông tin người dự tuyển kê khai tại Phiếu đăng ký dự tuyển. Sau khi trúng tuyển, người trúng tuyển nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo quy định;

b) Trường hợp vị trí việc làm cần tuyển yêu cầu trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số trong bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo cụ thể yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số;

c) Trường hợp thuộc đối tượng được miễn phần thi ngoại ngữ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này được xác định là đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

d) Trường hợp không thuộc đối tượng được miễn phần thi ngoại ngữ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này thì Hội đồng tuyển dụng tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng. Việc sát hạch được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Vòng 2 được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

Điều 9. Hội đồng tuyển dụng, trình tự, thủ tục, nội quy, quy chế, xác định người trúng tuyển kỳ tuyển dụng nhà giáo

1. Hội đồng tuyển dụng, trình tự, thủ tục, nội quy, quy chế, xác định người trúng tuyển kỳ tuyển dụng nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng viên chức.

2. Cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện tuyển dụng nhà giáo theo trình tự, thủ tục, nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục và thực hiện đánh giá năng lực người đăng ký dự tuyển thông qua thực hành sư phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này. Việc xác định người trúng tuyển do cơ sở giáo dục quyết định theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục, bảo đảm công khai, minh bạch.

3. Các công việc liên quan đến việc ra đề thi, chấm thi phải thực hiện bảo mật theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều kiện, trình tự, thủ tục tiếp nhận nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập

1. Điều kiện tiếp nhận nhà giáo

a) Điều kiện tiếp nhận nhà giáo đối với trường hợp được xem xét, tiếp nhận vào viên chức: thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức;

b) Điều kiện tiếp nhận nhà giáo đối với đối tượng hưởng chính sách thu hút, trọng dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Nghị định này: đạt chuẩn trình độ được đào tạo của nhà giáo theo cấp học, trình độ đào tạo; tình nguyện đến làm việc tại cơ sở giáo dục thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường hợp tiếp nhận đến làm việc tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số;

c) Điều kiện cụ thể để tiếp nhận nhà giáo do bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục xác định tại Đề án, kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận.

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận nhà giáo

a) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch được áp dụng thực hiện theo quy định về Hội đồng tuyển dụng viên chức;

b) Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện các nhiệm vụ sau:

Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu của vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận. Việc kiểm tra các văn bằng, chứng chỉ liên quan đến ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

Tổ chức sát hạch bằng hình thức phỏng vấn hoặc thực hành sư phạm để đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng thống nhất về hình thức và nội dung sát hạch trước khi thực hiện.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch đã biểu quyết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định thành lập Tổ thư ký giúp việc trong trường hợp cần thiết.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng về kết quả kiểm tra, sát hạch và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

c) Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo ra quyết định tiếp nhận nhà giáo và thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo.

3. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm nhà giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp nhận viên chức. Trường hợp các thành phần hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thông tin có thể khai thác đầy đủ, chính xác trên các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì được khai thác, sử dụng để thay thế thành phần hồ sơ giấy tương ứng. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ; hoặc không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo yêu cầu cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của pháp luật về viên chức; việc nộp, xuất trình, chứng thực bản sao thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng thực và giao dịch điện tử.

4. Quyết định tiếp nhận nhà giáo phải được cập nhật vào hồ sơ điện tử của nhà giáo theo quy định.

Chương IV
ĐIỀU ĐỘNG, THUYÊN CHUYỂN, DẠY LIÊN TRƯỜNG, LIÊN CẤP, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 11. Điều động nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Thẩm quyền điều động

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền điều động đối với nhà giáo, nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác thuộc thẩm quyền quản lý; từ cơ sở giáo dục đến cơ quan quản lý giáo dục cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thẩm quyền điều động đối với nhà giáo, nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác thuộc thẩm quyền quản lý; từ cơ sở giáo dục này đến cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm

quyền quản lý của 02 đơn vị hành chính cấp xã khác nhau; từ cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh đến cơ quan quản lý giáo dục cấp tỉnh;

c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc điều động nhà giáo trong trường của lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Đối với các cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này, cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục quyết định về thẩm quyền điều động nhà giáo thuộc quyền quản lý;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Điều này, quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của địa phương, ban hành quy chế điều động nhà giáo để tổ chức thực hiện điều động nhà giáo đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Quy chế điều động nhà giáo quy định cụ thể về đối tượng, thời hạn, thời điểm điều động nhà giáo và các nội dung liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế.

e) Cơ quan có thẩm quyền điều động nhà giáo quy định tại điểm d khoản này quy định cụ thể về đối tượng, thời hạn, thời điểm điều động nhà giáo và các nội dung liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Đối tượng điều động

a) Nhà giáo thuộc danh sách biên chế dôi dư khi thực hiện sắp xếp lại cơ sở giáo dục hoặc do biến động về quy mô lớp học, môn học, ngành, nghề đào tạo;

b) Nhà giáo có nguyện vọng được điều động đến công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Nhà giáo đã hoàn thành thời gian được điều động đến công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định điều động của cơ quan có thẩm quyền;

d) Nhà giáo có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, giáo dục hoặc quản lý, có khả năng hỗ trợ nâng cao chất lượng cho cơ sở giáo dục hoặc hỗ trợ chuyên môn cho cơ quan quản lý giáo dục;

đ) Nhà giáo được quy hoạch hoặc bổ nhiệm chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được điều động nhằm bố trí, sắp xếp đội ngũ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hoặc nhằm bảo đảm không giữ chức vụ quá thời hạn theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

e) Nhà giáo không thuộc đối tượng tại điểm a, b, c, d và đ khoản này được cơ quan có thẩm quyền điều động có thời hạn để hỗ trợ các cơ sở giáo dục đang thiếu nhà giáo hoặc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

3. Chế độ, chính sách đối với nhà giáo khi thực hiện điều động

a) Nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được điều động đến vị trí công tác khác mà phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ hiện đảm nhiệm thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật;

b) Nhà giáo được điều động thực hiện ký kết hợp đồng làm việc với cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp được điều động đến cơ quan quản lý giáo dục, nhà giáo được bố trí vào vị trí việc làm theo quy định;

c) Chế độ, chính sách đối với nhà giáo khi thực hiện điều động được tính theo chế độ, chính sách của nơi nhà giáo được điều động đến. Trường hợp chế độ, chính sách nhà giáo đang được hưởng cao hơn thì được bảo lưu theo quy định của pháp luật;

d) Ngoài các quy định tại các điểm a, b và c khoản này, nhà giáo được hưởng các chế độ, chính sách đối với điều động viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức và các chế độ, chính sách đặc thù của địa phương, cơ sở giáo dục (nếu có).

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều động

a) Hồ sơ điều động nhà giáo gồm: văn bản thông báo chủ trương, chỉ tiêu điều động của cơ quan có thẩm quyền điều động nhà giáo; văn bản đề xuất nhu cầu điều động của cơ sở giáo dục công lập hoặc cơ quan quản lý giáo dục; hồ sơ nhà giáo theo quy định của pháp luật về viên chức; các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

Trường hợp hồ sơ nhà giáo quy định tại điểm này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thông tin đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì được khai thác, sử dụng để thay thế thành phần hồ sơ giấy tương ứng. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ sở giáo dục công lập hoặc cơ quan quản lý giáo dục, nhà giáo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Trình tự thực hiện: cơ quan có thẩm quyền điều động nhà giáo thông báo chủ trương, chỉ tiêu điều động nhà giáo; cơ sở giáo dục công lập hoặc cơ quan quản lý giáo dục có nhu cầu điều động nhà giáo lập hồ sơ đề xuất theo quy định gửi cơ quan có thẩm quyền điều động theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền điều động nhà giáo xem xét điều kiện, tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định và ra quyết định điều động nhà giáo. Trường hợp không đồng ý điều động nhà giáo, cơ quan có thẩm quyền điều động trả lời bằng văn bản cho cơ sở giáo dục công lập hoặc cơ quan quản lý giáo dục và nêu rõ lý do;

c) Khi điều động nhà giáo để bổ nhiệm giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thì thực hiện theo quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác;

d) Quyết định điều động nhà giáo phải được cập nhật vào hồ sơ điện tử của nhà giáo theo quy định.

Điều 12. Thuyên chuyển nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập

1. Đối tượng, nguyên tắc thuyên chuyển

a) Đối tượng thuyên chuyển: nhà giáo, nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập có nguyện vọng thuyên chuyển;

b) Nguyên tắc thuyên chuyển: việc thuyên chuyển nhà giáo được thực hiện khi nhà giáo có nhu cầu, phải được sự đồng ý của cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị nơi nhà giáo chuyển đi và chuyển đến, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị về vị trí việc làm; tuân thủ hướng dẫn và các quy định về thuyên chuyển của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền thuyên chuyển nhà giáo

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thuyên chuyển đối với nhà giáo, nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác thuộc thẩm quyền quản lý hoặc từ cơ sở giáo dục đến cơ quan, đơn vị khác thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thuyên chuyển đối với nhà giáo, nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác thuộc thẩm quyền quản lý; hoặc từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác thuộc thẩm quyền quản lý của 02 đơn vị hành chính cấp xã khác nhau trong tỉnh, thành phố; hoặc từ cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý đến cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã trong tỉnh, thành phố và ngược lại; hoặc từ cơ sở giáo dục công lập đến cơ quan, đơn vị khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hoặc từ cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác và ngược lại;

c) Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập ban hành quy chế thuyên chuyển nhà giáo và thực hiện thuyên chuyển nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc thuyên chuyển nhà giáo trong trường của lực lượng vũ trang nhân dân;

đ) Đối với các cơ sở giáo dục không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục quyết định về thuyên chuyển nhà giáo;

e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Điều này, quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của địa phương ban hành quy chế thuyên chuyển nhà giáo để tổ chức thực hiện thuyên chuyển nhà giáo đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Quy chế thuyên chuyển nhà giáo quy định cụ thể về đối tượng, thời điểm thuyên chuyển nhà giáo và các nội dung liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thuyên chuyển nhà giáo

a) Hồ sơ đề nghị thuyên chuyển: đơn đề nghị thuyên chuyển của nhà giáo có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này); văn bản đồng ý cho liên hệ công tác của cơ sở giáo dục cơ quan, đơn vị nơi nhà giáo chuyển đi; văn bản đồng ý tiếp nhận của cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị nơi nhà giáo xin chuyển đến; hồ sơ nhà giáo theo quy định của pháp luật về viên chức; các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

Trường hợp hồ sơ nhà giáo quy định tại điểm này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thông tin đã được cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì được khai thác, sử dụng để thay thế thành phần hồ sơ giấy tương ứng. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác không đầy đủ, không chính xác thì cơ sở giáo dục công lập hoặc cơ quan quản lý giáo dục, nhà giáo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Đối với trường hợp thuyên chuyển thuộc thẩm quyền của cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, nhà giáo gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của cấp có thẩm quyền;

c) Đối với trường hợp thuyên chuyển thuộc thẩm quyền của cơ quan quy định tại điểm c và điểm đ khoản 2 Điều này thì việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện trực tiếp tại cơ sở giáo dục hoặc thông qua hệ thống thông tin, cổng dịch vụ công của cơ sở giáo dục (nếu có);

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thuyên chuyển nhà giáo xem xét hồ sơ theo quy định và ra quyết định thuyên chuyển nhà giáo. Trường hợp không đồng ý thuyên chuyển nhà giáo, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản cho nhà giáo và nêu rõ lý do;

đ) Quyết định thuyên chuyển nhà giáo phải được cập nhật vào hồ sơ điện tử của nhà giáo theo quy định;

e) Trình tự, thủ tục thuyên chuyển nhà giáo được thực hiện theo quy định tại khoản này. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện thuyên chuyển nhà giáo đảm bảo công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 13. Dạy liên trường, liên cấp đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Nguyên tắc phân công nhà giáo dạy liên trường, liên cấp

a) Việc phân công nhà giáo giảng dạy liên trường, liên cấp được thực hiện trên cơ sở xem xét tính hợp lý về điều kiện địa lý, hoàn cảnh thực tế của nhà giáo và ý kiến của người đứng đầu cơ sở giáo dục có thẩm quyền quản lý nhà giáo và cơ sở giáo dục nơi nhà giáo được phân công giảng dạy liên trường, liên cấp;

b) Cơ sở giáo dục có thẩm quyền quản lý nhà giáo và cơ sở giáo dục nơi nhà giáo được phân công giảng dạy liên trường, liên cấp phối hợp, tạo điều kiện về thời gian, bố trí phân công các nhiệm vụ khác phù hợp để nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy liên trường, liên cấp.

2. Thẩm quyền và trình tự phân công nhà giáo dạy liên trường, liên cấp

a) Đối với cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo: căn cứ nhu cầu giảng dạy, cơ sở giáo dục nơi có nhu cầu tiếp nhận nhà giáo dạy liên trường, liên cấp phối hợp với cơ sở giáo dục quản lý nhà giáo xây dựng, thống nhất kế hoạch phân công nhà giáo dạy liên trường, liên cấp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo để ra quyết định phân công;

b) Đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhiều cấp học, trình độ đào tạo, nhiều trường trực thuộc, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên: người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định phân công hoặc ủy quyền việc quyết định phân công nhà giáo dạy liên trường, liên cấp trên cơ sở đề nghị, thống nhất của trường trực thuộc, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên;

c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc dạy liên trường, liên cấp đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý (nếu có);

d) Quyết định phân công dạy liên trường, liên cấp phải xác định rõ thời gian, khối lượng giảng dạy, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ sở giáo dục và được cập nhật vào hồ sơ điện tử của nhà giáo theo quy định.

3. Chế độ, chính sách đối với nhà giáo dạy liên trường, liên cấp

a) Số tiết dạy hoặc giờ dạy của nhà giáo theo chế độ làm việc là tổng số tiết dạy hoặc giờ dạy ở các cơ sở giáo dục, các cấp học, trình độ đào tạo nhà giáo được phân công dạy liên trường, liên cấp;

b) Việc đánh giá nhà giáo dạy liên trường, liên cấp do người đứng đầu cơ sở giáo dục có thẩm quyền quản lý nhà giáo thực hiện trên cơ sở nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy liên trường, liên cấp theo sự phân công;

c) Lương và các chế độ theo lương của nhà giáo dạy liên trường, liên cấp do cơ sở giáo dục có thẩm quyền quản lý nhà giáo chi trả. Tiền lương dạy thêm giờ (nếu có) và phụ cấp lưu động, chi phí khác nếu có thực hiện theo quy định của pháp luật. Kinh phí thực hiện các chính sách tại điểm này đối với nhà giáo trong thời gian được phân công dạy liên trường, liên cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 14. Đánh giá nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp

1. Đánh giá nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp

a) Nội dung đánh giá nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục ngoài công lập theo chuẩn nghề nghiệp gồm: đạo đức nhà giáo và việc chấp hành quy tắc ứng xử của nhà giáo; trình độ đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh gắn với vị trí việc làm;

b) Kết quả đánh giá nhà giáo tại điểm a khoản này được sử dụng làm căn cứ để thực hiện đánh giá nhà giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Nhà giáo.

2. Tiêu chí xếp loại chất lượng nhà giáo

a) Đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập: đáp ứng các tiêu chí chung về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, tiêu chí xếp loại chất lượng viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức;

b) Đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập: đáp ứng các tiêu chí đánh giá, xếp loại nhà giáo theo quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng nhà giáo của cơ sở giáo dục.

3. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại và việc sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức và pháp luật có liên quan; trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại và việc sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo quy chế đánh giá, xếp loại nhà giáo do cơ sở giáo dục ban hành.

Chương V
CHÍNH SÁCH THU HÚT, TRỌNG DỤNG ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO, CHẾ ĐỘ NGHỈ HƯU Ở TUỔI CAO HƠN ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 15. Đối tượng hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo

1. Đối tượng được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo quy định khoản 1 Điều 25 Luật Nhà giáo gồm:

a) Người có tài năng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

b) Giáo sư, phó giáo sư hoặc người được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư;

c) Người đạt thành tích cao cấp quốc gia, quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành, nghề truyền thống;

d) Là Nghệ nhân ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Thầy thuốc nhân dân; người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên hoặc có chứng nhận kỹ năng nghề xuất sắc, đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích tại các kỳ thi, cuộc thi kỹ năng nghề khu vực, quốc tế;

đ) Người đến làm việc tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

e) Nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong một số lĩnh vực trọng yếu, thiết yếu theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

g) Nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề học khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu; các ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao, y tế, quốc phòng và an ninh.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và mục tiêu, chiến lược phát triển, điều kiện thực tế, các địa phương, cơ sở giáo dục xác định cụ thể đối tượng hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo theo từng giai đoạn phù hợp.

Điều 16. Chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo

1. Chính sách và tiêu chuẩn, điều kiện hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 15 Nghị định này được áp dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP.

2. Chính sách và tiêu chuẩn, điều kiện hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Nghị định này:

a) Được tuyển dụng theo hình thức tiếp nhận nhà giáo và không yêu cầu đáp ứng điều kiện về thời gian công tác theo quy định của pháp luật về tiếp nhận viên chức;

b) Được hưởng chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.

3. Ngoài các chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đối tượng hưởng chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của địa phương, cơ sở giáo dục và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Thời gian nghỉ hè của nhà giáo

1. Thời gian nghỉ hè của nhà giáo

a) Thời gian nghỉ hè hằng năm của nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm;

b) Thời gian nghỉ hè hằng năm của nhà giáo trong các cơ sở giáo dục thường xuyên tối thiểu là 04 tuần, tối đa là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm;

c) Thời gian nghỉ hè hằng năm của nhà giáo trong trường dự bị đại học là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm;

d) Thời gian nghỉ hè hằng năm của nhà giáo giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề, giảng dạy trình độ trung cấp và giảng dạy trình độ cao đẳng là 06 tuần; của nhà giáo giảng dạy trình độ sơ cấp là 04 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm;

đ) Thời gian nghỉ hè hằng năm của nhà giáo trong cơ sở giáo dục đại học, trường chính trị và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;

e) Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách, thời gian nghỉ hè của nhà giáo quy định tại điểm a, điểm b khoản này do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định theo thẩm quyền; thời gian nghỉ hè của nhà giáo quy định tại điểm c, d, đ khoản này do người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định;

g) Trong thời gian nghỉ hè, nhà giáo được hưởng nguyên lương và phụ cấp theo quy định.

2. Ngoài thời gian nghỉ hè theo quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo được nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động.

3. Căn cứ kế hoạch thời gian năm học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời điểm nghỉ hè của nhà giáo trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt trên địa bàn.

4. Căn cứ quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường dự bị đại học, trường

chính trị và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định thời điểm nghỉ hè của nhà giáo phù hợp với kế hoạch đào tạo và điều kiện cụ thể của từng cơ sở giáo dục.

5. Việc nghỉ hè của nhà giáo trong cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 18. Quy trình, thủ tục nghỉ hưu ở tuổi cao hơn

1. Hằng năm, cơ sở giáo dục công lập căn cứ định hướng phát triển, tình hình nhân lực của tổ chức và yêu cầu của vị trí việc làm, thông báo chủ trương, nhu cầu sử dụng nhà giáo nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

2. Hồ sơ đề nghị được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn

a) Đơn đề nghị được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Hồ sơ nhà giáo theo quy định của pháp luật về viên chức;

c) Các tài liệu, minh chứng đáp ứng điều kiện nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

3. Nhà giáo đáp ứng các điều kiện theo quy định gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở giáo dục công lập hoặc trực tuyến thông qua hệ thống thông tin, cổng dịch vụ công của cơ sở giáo dục công lập (nếu có) trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ sở giáo dục công lập xem xét, đánh giá các điều kiện của nhà giáo có nguyện vọng được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn và chủ trương, nhu cầu của cơ sở giáo dục công lập để xem xét, quyết định việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, thời gian được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với từng trường hợp nhà giáo.

Trường hợp không đồng ý kéo dài thời gian công tác, cơ sở giáo dục công lập trả lời bằng văn bản cho nhà giáo và nêu rõ lý do.

4. Quyết định nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 03 tháng và được cập nhật vào hồ sơ điện tử của nhà giáo theo quy định.

5. Căn cứ quyết định nghỉ hưu ở tuổi cao hơn của nhà giáo, cơ sở giáo dục công lập thực hiện ký kết văn bản thỏa thuận hoặc phụ lục hợp đồng làm việc với nhà giáo về các chế độ, chính sách đối với nhà giáo theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo làm việc trong ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù

1. Đối với nhà giáo làm việc trong ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù thuộc lĩnh vực y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, trường hợp không có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc không có trình độ tiến sĩ nhưng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực có thể được hưởng chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

2. Thời gian nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo trong ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù thuộc lĩnh vực y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao không quá 05 tuổi.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết yêu cầu về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhà giáo được hưởng chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo quy định tại Điều này.

Chương VI
TRÌNH ĐỘ CHUẨN ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA NHÀ GIÁO, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 20. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo

1. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này.

2. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy môn Mĩ thuật, môn Âm nhạc, môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), môn Ngoại ngữ cấp tiểu học, môn Tin học và Công nghệ trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt: có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên

thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học đặc thù hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo phù hợp với môn học đặc thù và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tương ứng với cấp học giảng dạy theo quy định.

3. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục đại học

Nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành đào tạo giáo viên về tiếng dân tộc thiểu số phù hợp môn học giảng dạy;

b) Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên các ngành đào tạo giáo viên và có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số phù hợp môn học giảng dạy theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số phù hợp môn học giảng dạy;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành đào tạo giáo viên hoặc ngành văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam và là người dân tộc thiểu số, sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với môn học giảng dạy.

4. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, trường cao đẳng sư phạm, trường chuyên biệt

Nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, trường cao đẳng sư phạm, trường chuyên biệt đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành đào tạo giáo viên về tiếng dân tộc thiểu số phù hợp môn học giảng dạy;

b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số phù hợp môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, năng lực sư phạm dành cho nhà giáo theo từng cấp học, trình độ đào tạo;

c) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành đào tạo giáo viên về tiếng dân tộc thiểu số khác môn học giảng dạy hoặc ngành ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số khác môn học giảng dạy hoặc ngành văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam và có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số phù hợp môn học giảng dạy theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trường hợp không có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành đào tạo giáo viên thì phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, năng lực sư phạm dành cho nhà giáo theo từng cấp học, trình độ đào tạo;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo giáo viên và có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số phù hợp môn học giảng dạy theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành đào tạo giáo viên hoặc ngành văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam và là người dân tộc thiểu số, biết tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với môn học giảng dạy. Trường hợp không có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành đào tạo giáo viên thì phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, năng lực sư phạm dành cho nhà giáo theo từng cấp học, trình độ đào tạo.

5. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

6. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng trong trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn, chuyên ngành giảng dạy.

7. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo giảng dạy ngành, nghề đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Trường hợp quy định tại khoản 2; các điểm a, c và d khoản 3; các điểm a, b, c và đ khoản 4 Điều này, sau khi được tuyển dụng, nhà giáo phải tham gia đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn được đào

tạo tương ứng với cấp học, trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo theo kế hoạch của địa phương và cơ sở giáo dục.

Điều 21. Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn, đào tạo nâng cao trình độ của nhà giáo

a) Việc đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo thực hiện theo lộ trình của Chính phủ;

b) Việc đào tạo nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo thực hiện theo nguyện vọng cá nhân, nhu cầu, điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục và kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo của cấp có thẩm quyền;

c) Trong thời gian thực hiện đào tạo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, nhà giáo được bố trí giảng dạy, giáo dục và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

2. Bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp

a) Chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp được xây dựng, ban hành tương ứng với chức danh nhà giáo quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Thời gian thực hiện mỗi chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp tối đa là 06 tuần.

3. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn, chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý

a) Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập được quy hoạch, bổ nhiệm chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn, chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức và chương trình bồi dưỡng quy định tại điểm c khoản này;

b) Nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập được quy hoạch, bổ nhiệm chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện chương trình bồi dưỡng theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục và chương trình bồi dưỡng quy định tại điểm c khoản này;

c) Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục thực hiện đối với nhà giáo được quy hoạch, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thời gian thực hiện chương trình bồi dưỡng tối đa là 01 tuần.

4. Bồi dưỡng thường xuyên

a) Chương trình bồi dưỡng thường xuyên được thực hiện hằng năm đối với nhà giáo nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm tương ứng với chức danh nhà giáo;

b) Thời gian thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên mỗi năm học tối đa là 03 tuần.

Điều 22. Thẩm quyền quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, ban hành và hướng dẫn việc tổ chức chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, chương trình bồi dưỡng thường xuyên nhà giáo theo các chức danh nhà giáo quy định tại Điều 3 Nghị định này và chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục trừ quy định khoản 2 Điều này.

2. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng, ban hành và quản lý các chương trình bồi dưỡng nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 23. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo được quy định như sau:

a) Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều 21 Nghị định này theo quy hoạch, kế hoạch và lộ trình của cơ sở giáo dục được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định về phân cấp ngân sách nhà nước. Nguồn kinh phí được dự toán trong ngân sách chi sự nghiệp giáo dục của các bộ, ngành và địa phương;

b) Khuyến khích cơ sở giáo dục sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác để hỗ trợ kinh phí đào tạo nâng cao trình độ và bồi dưỡng thường xuyên cho nhà giáo;

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tài trợ kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo theo quy định của pháp luật;

d) Nhà giáo tự chi trả kinh phí đối với các chương trình học tập theo nhu cầu cá nhân không nằm trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị.

2. Chế độ, chính sách và trách nhiệm của nhà giáo khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng:

a) Nhà giáo được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng nguyên lương, phụ cấp (nếu có) và các chế độ, chính sách khác theo quy định hiện hành. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian công tác liên tục;

b) Nhà giáo được cử đi đào tạo, bồi dưỡng bằng ngân sách nhà nước hoặc nguồn tài chính của cơ sở giáo dục nhưng tự ý bỏ học, thôi việc hoặc không phục vụ đủ thời gian cam kết thì phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo chuẩn nghề nghiệp tương ứng các chức danh nhà giáo quy định tại Điều 3 Nghị định này được thực hiện từ năm học 2026 - 2027.

3. Việc bồi dưỡng theo tiêu chuẩn, chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định này được thực hiện đối với nhà giáo được quy hoạch, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ sở giáo dục kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Người được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm hoàn thành việc bồi dưỡng trong vòng 24 tháng kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận nhà giáo, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 thì được tiếp tục thực hiện theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Trong đó, các tiêu chuẩn về chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành.

2. Trường hợp nhà giáo đã được cơ quan có thẩm quyền điều động, thuyên chuyển, phân công dạy liên trường, liên cấp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được cấp có thẩm quyền ban hành và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3. Trường hợp nhà giáo đáp ứng đủ các điều kiện để nghỉ hưu ở tuổi cao hơn từ ngày 01 tháng 4 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 mà chưa thông báo về việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn thì cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý ban hành Quyết định kéo dài thời gian công tác của nhà giáo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Trong thời gian chưa có hướng dẫn mới về xếp lương theo vị trí việc làm của cấp có thẩm quyền, việc xếp lương đối với các chức danh nhà giáo quy định tại Điều 3 Nghị định này được thực hiện theo hạng, chức danh theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, đơn vị sử dụng nhà giáo chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN. các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

Lê Thành Long

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

Tên mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Đơn đề nghị thuyên chuyển
Mẫu số 02	Đơn đề nghị được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn

Mẫu số 01. Đơn đề nghị thuyên chuyển

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUYÊN CHUYỂN

Kính gửi:.....(*) .....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/CCCD:.....Ngày cấp:.....

Chức danh nghề nghiệp: .....

Chức vụ quản lý (nếu có):.....

Trình độ đào tạo, chuyên môn:.....

Đơn vị công tác hiện nay:.....

Cơ quan quản lý trực tiếp:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại:.....Email (nếu có):.....

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THUYÊN CHUYỂN

1. Cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị đề nghị chuyển đến

.....

2. Vị trí việc làm dự kiến (nếu có):

.....

3. Lý do đề nghị thuyên chuyển:

.....

III. CAM KẾT

Tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của nhà giáo theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền thuyên chuyển.

- Thực hiện việc bàn giao công việc, hồ sơ, tài sản (nếu có) theo quy định trước khi nhận nhiệm vụ tại đơn vị mới.

- Cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ trong hồ sơ đề nghị thuyên chuyển.

- Nội dung khác liên quan (nếu có): .....

Kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết theo quy định. Trân trọng cảm ơn!

Xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo chuyển đi	*....., ngày.....tháng..... năm.....* **Người đề nghị** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(*) Cơ quan, người có thẩm quyền thuyên chuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

Mẫu số 02. Đơn đề nghị được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NGHỈ HƯU Ở TUỔI CAO HƠN

Kính gửi: .....(1) .....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/CCCD:.....Ngày cấp:.....

Chức danh nghề nghiệp: .....

Chức vụ quản lý (nếu có):.....

Trình độ đào tạo, chuyên môn:.....

Đơn vị công tác hiện nay:.....

Đơn vị quản lý trực tiếp:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại: .....Email (nếu có):.....

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NGHỈ HƯU Ở TUỔI CAO HƠN

Ngày... tháng .... năm..... , tôi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Căn cứ vào sức khỏe, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của bản thân, tôi làm đơn này đề nghị kéo dài/tiếp tục kéo dài thời gian công tác để được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo quy định của Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 và Quy chế về công tác cán bộ của(2) hiện hành.

Thời gian đề nghị kéo dài/tiếp tục kéo dài thời gian công tác từ ngày ... tháng ... năm.....đến ngày ... tháng ... năm.....

III. CAM KẾT

Tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của nhà giáo theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành quyết định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

- Cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ trong hồ sơ đề nghị được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn.

- Nội dung khác liên quan (nếu có):.....

Kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết theo quy định. Trân trọng cảm ơn!

....., ngày..... tháng ....năm...
Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

(2) Tên cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.